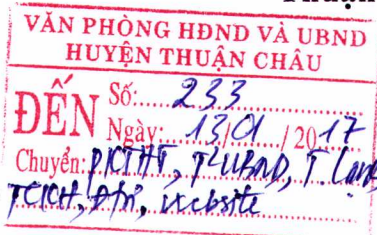


Số: 3140/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước trung tâm cụm xã Tông Lệnh, huyện Thuận Châu giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 241/TTr-SXD ngày 21/12/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch cấp nước trung tâm cụm xã Tông Lệnh, huyện Thuận Châu giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung sau:

**1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch**

- Phía Bắc giáp xã Tông Cọ;
- Phía Nam giáp bản Dân Chủ;
- Phía Tây giáp khu vực bản Thẳm, suối Muội;
- Phía Đông giáp Tông Cọ

**2. Quy mô**

a) Quy mô diện tích: Khoảng 330 ha.

b) Quy mô dân số

- Hiện trạng: 4.100 người.

- Dự báo đến năm 2020: 5.707 người.

- Dự báo đến năm 2030: 7.644 người.

### **3. Nhu cầu cấp nước theo giai đoạn quy hoạch**

#### **3.1. Giai đoạn đến năm 2020**

- Ngày dùng nước thấp nhất: 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Ngày dùng nước trung bình: 710 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Ngày dùng nước cao nhất: 860 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### **3.2. Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030**

- Ngày dùng nước thấp nhất: 1.100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Ngày dùng nước trung bình: 1.600m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Ngày dùng nước cao nhất: 1.900 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### **4. Nguồn cấp nước, vị trí, quy mô công suất các công trình cấp nước cho từng giai đoạn và nhu cầu sử dụng đất cho các công trình cấp nước**

#### **4.1. Nguồn cấp nước**

Sử dụng nguồn Mỏ nước bản Xi Mãng để cấp cho trạm xử lý và khai thác cấp nước.

#### **4.2. Vị trí, quy mô các công trình cấp nước**

##### *a) Vị trí các công trình cấp nước*

##### Mạng cấp I

Toàn bộ mạng đường ống nằm trên vỉa hè các trục đường cách mép vỉa hè đường về phía dân cư = 0,7-1,0m. Độ sâu chôn ống tối thiểu đến mặt vỉa hè >= 0,7m. Tại các vị trí ống đi qua đường tối thiểu > =1,0m có lớp bảo vệ chống tải trọng xe đi lại rung động.

##### Mạng cấp II

Mạng đường ống cấp II nằm trên vỉa hè các trục đường cách mép vỉa hè đường về phía dân cư >= 0,70m. Độ sâu chôn ống tối thiểu đến mặt vỉa hè >= 0,4m. Tại các vị trí ống đi qua đường tối thiểu > =0,7m có lớp bảo vệ chống tải trọng xe đi lại rung động.

##### Trạm xử lý

Vị trí trạm xử lý tại khu đất cạnh nhà văn hóa bản Dân Chủ, gần mỏ nước bản Dân chủ.

##### *b) Quy mô các công trình cấp nước*

- Hiện nay đã đầu tư nhà máy với công suất khai thác  $Q = 700\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .
- Giai đoạn năm 2021- 2030, đầu tư trạm xử lý tại mố Xi Măng đạt công suất  $Q = 2.000\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

#### **4.3. Nhu cầu sử dụng đất cho các công trình cấp nước**

- Công trình đầu mối ( hồ thu, trạm bơm cấp1, trạm điện, đường ống nước nước thô):  $100\text{m}^2$ ; trạm xử lý:  $1.000\text{m}^2$ . Tổng diện tích:  $1.100\text{m}^2$ .

### **5. Mạng lưới đường ống cấp nước, các điểm đầu nối giữa mạng cấp I và mạng cấp II**

#### **5.1 Mạng cấp I**

- Tiếp tục sử dụng tuyến truyền tải chính nối giữa nhà máy nước tại nguồn bản Xi Măng đến bản Công Mường.

- Tuyến từ trạm xử lý chạy dọc quốc lộ 6 đi Thuận Châu

- Tuyến từ ngã 3 Tông Lệnh chạy dọc quốc lộ 6B đi Phiêng Lanh.

- Mạng lưới đường ống là những vòng khép kín đảm bảo đủ lưu lượng đến các hộ tiêu thụ và áp lực nước trong giờ dùng nước nhiều nhất hoặc có hoả hoạn. Đường kính ống cấp I từ 250 – 100, tổng chiều dài 11.318m

- Cấp nước cứu hoả sử dụng chung với đường ống cấp nước của khu vực. Đường ống cấp chính cho các hòng cứu hoả nằm trên vỉa hè trực đường, đường chính khu vực và đường phân khu vực.

#### **5.2. Mạng cấp II**

Sử dụng ống nhựa HDPE- PN 8 -10, có đường kính từ 63- 40- 32. Trên mạng cấp II tại điểm đầu nối từ mạng cấp I lắp đồng hồ đo nước để phát hiện thất thoát nước, kịp thời phát hiện rò rỉ.

### **6. Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn, tổng mức đầu tư**

#### **6.1. Phân kỳ đầu tư**

- Giai đoạn đến năm 2020:

**Bảng 1: Khối lượng và kinh phí xây dựng hệ thống cấp nước Giai đoạn 1**

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
				(ng.đ)	(ngđ)
1	Ống nhựa HDPE- PN 12.5 – D250	m	0	1.350	0
2	Ống nhựa HDPE- PN 12.5 – D200	m	4.510	1.150	5.186.500
3	Ống nhựa HDPE- PN 12.5 – D150	m	2.173	1.000	2.173.000
4	Ống nhựa HDPE- PN 10 – D100	m	1.108	500	554.000

5	Ống nhựa HDPE- PN 10 – D80	m	4.199	400	1.679.600
6	Ống nhựa HDPE- PN 10 – D65	m	7.065	350	2.472.750
7	Trạm xử lý Q= 1.000m <sup>3</sup> /ngđ	Trạm	1	5.400.000	5.400.000
8	Trụ cứu hỏa D100	Trụ	59,95	1.500	89.925
9	Xây các hố van trên tuyến	cái	80	5.000	399.667
10	các phụ kiện kèm theo	%	1-7	10%	1.795.544
11	Dự phòng	%		10%	1.975.099
	<b>Tổng cộng</b>				<b>21.726.000</b>
Bảng chữ: Hai mươi một tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu đồng.					

- Giai đoạn từ năm 2021-2030:

**Bảng 2: Khối lượng và kinh phí xây dựng hệ thống cấp nước Giai đoạn 2**

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
				(ng.đ)	(ngđ)
1	Ống nhựa HDPE- PN 12.5 – D250	m	0	1.350	0
2	Ống nhựa HDPE- PN 12.5 – D200	m	2.000	1.150	2.300.000
3	Ống nhựa HDPE- PN 12.5 – D150	m	1.527	1.000	1.527.000
4	Ống nhựa HDPE- PN 10 – D100	m	0	500	0
5	Ống nhựa HDPE- PN 10 – D65	m	1.454	350	508.900
6	Dây chuyên lắng lọc tự rửa Q= 1.000m <sup>3</sup> /ngđ		1	3.500.000	3.500.000
7	Trụ cứu hỏa D100	Trụ	18	1.500	26.000
8	Xây các hố van trên tuyến	cái	24	5.000	118.000
9	các phụ kiện kèm theo	%	1-7	10%	415.000
10	Dự phòng	%		10%	456.790
	<b>Tổng cộng</b>		1-7	5	<b>8.852.000</b>
Bảng chữ: Tám tỷ tám trăm năm mươi hai triệu đồng.					

Tổng kinh phí đầu tư đạt công suất Q= 2.000m<sup>3</sup>/ngđ: 30.578 .000.000đ (Ba mươi tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu đồng)

## 6.2. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư: 30.578 .000.000đ (Ba mươi tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu đồng). Trong đó:

- Giai đoạn 1 từ năm 2017 đến năm 2020 là: 21.726.000.000 đồng.
- Giai đoạn 2 từ từ năm 2021 đến năm 2030 là: 8.852.000.000 đồng.

### **6.3. Nguồn vốn**

Ngân sách nhà nước; ODA; tài trợ nước ngoài; tín dụng đầu tư; thương mại trong nước; các nhà đầu tư trong, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **7. Các quy định bảo vệ nguồn nước, bảo vệ hệ thống cấp nước**

### **7.1. Đối với nguồn nước đang khai thác**

Bảo vệ rừng đầu nguồn, kiểm soát ô nhiễm các nguồn nước đang dùng để cấp nước.

### **7.2. Các qui định bảo vệ hệ thống cấp nước**

#### **a) Đường ống dẫn nước thô**

Có mốc chỉ dẫn hướng tuyến đường ống, nghiêm cấm xây dựng các công trình đè lên tuyến ảnh hưởng tới kết cấu đường ống. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện rò rỉ. Lắp đồng hồ trên đường ống đoạn cuối tuyến trước khi vào công trình của trạm xử lý để theo dõi sự biến đổi lưu lượng của nguồn từ đó có biện pháp sửa chữa khắc phục.

#### **b) Trạm Xử lý nước**

Các hạng mục trong dây chuyền xử lý nước cần được vận hành – bảo dưỡng theo định kỳ. Các công trình xử lý sau thời gian vận hành cần bảo dưỡng để duy trì được công suất thiết kế và tuổi thọ công trình.

#### **c) Mạng phân phối sau trạm xử lý**

Xác định chu kỳ bảo dưỡng phù hợp, xúc rửa, thông rửa đường ống, tránh cặn bám tạo thành mảng bám làm thu hẹp tiết diện đường ống. Khi xả rửa đường ống cần đóng các van nhánh lại để tăng vận tốc xả rửa, đồng thời ngăn không cho cặn bắn chui vào ống nhánh và các đồng hồ khô. Xây hồ van để bảo vệ các thiết bị trên tuyến.

## **8. Các giải pháp thực hiện quy hoạch**

Huy động các nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước.

Thành lập Quỹ quay vòng cấp nước tạo nguồn tài chính hỗ trợ, đầu tư các dự án phát triển cấp nước tại các đô thị nhỏ và khu dân cư tập trung.

Giá nước được tính đúng, tính đủ, bảo đảm hoàn vốn đầu tư, lợi nhuận và thu hút các nhà đầu tư, xây dựng lộ trình giá nước phù hợp.

## **9. Đánh giá môi trường chiến lược**

Tác động đến môi trường tập trung trong giai đoạn thi công và vận hành dự

án, do đó cần phải có biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn này. Tổ chức quan trắc môi trường theo quy định để kiểm soát giám sát môi trường.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai quy hoạch, bàn giao hồ sơ quy hoạch cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để lưu trữ, quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định.

2. Giao UBND huyện Thuận Châu căn cứ vào quy hoạch được duyệt, lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Công thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Châu; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /f

**Nơi nhận:**

- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT, TH, KG-VX, Quý-KT, 28b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Đức Hải**